TRẮC NGHIỆM CHƯƠNG 2: CÁCH TÍNH SẢN LƯỢNG QUỐC GIA

(SÁCH BÀI TẬP KINH TẾ VĨ MÔ – NXB KINH TẾ TP.HCM)

Câu 1: Kế toán thu nhập quốc dân đặc biệt sử dụng để:

A. Đạt được thông tin về những nguồn tài nguyên được sử dụng.

B. Đo lường tác động những chính sách kinh tế của chính phủ trên toàn bộ nền kinh tế.

C. Tiên đoán những tác động của các chính sách kinh tế đặc biệt của chính phủ về thất nghiệp và sản lượng.

D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Giải thích:

Tài khoản (kế toán) thu nhập quốc dân là các số liệu thống kê tổng hợp cơ bản trong phân tích và nghiên cứu kinh tế vĩ mô. Tài khoản thu nhập quốc dân cung cấp một chỉ tiêu định lượng cho việc đánh giá và lựa chọn chính sách kinh tế *(đo lường, tiên đoán những tác động của các chính sách kinh tế)*. Kết hợp với dữ liệu dân số, dữ liệu lực lượng lao động, tài khoản thu nhập quốc dân có thể được sử dụng để đánh giá mức độ, tốc độ tăng năng suất và là thước đo thu nhập đầu người trong từng thời kỳ *(đạt được thông tin về những nguồn tài nguyên sử dụng, đánh giá tác động của các chính sách kinh tế về thất nghiệp và sản lượng)*.

Câu 2: Yếu tố nào sau đây không phải là tính chất của GDP thực:

A. Tính theo giá hiện hành.

B. Đo lường cho toàn bộ sản phẩm cuối cùng.

C. Thường tính cho một năm.

D. Không tính giá trị của các sản phẩm trung gian.

Giải thích:

GDP thực tính theo giá cố định.

Câu 3: Tính các chỉ tiêu giá trị sản lượng thực:

A. Lấy chỉ tiêu danh nghĩa chia cho chỉ số giá.

B. Lấy chỉ tiêu danh nghĩa nhân với chỉ số giá.

C. Tính theo giá cố định.

D. Câu A và C đúng.

<u>Giải thích:</u>

Giá trị sản lượng thực của năm t:

$$Y_R^t = \frac{Y_N^t}{I_d^t} = \sum_{i=1}^{n} q_i^t \cdot p_o^t$$

<u>Câu 4:</u> GNP theo giá sản xuất bằng:

A. GNP trừ đi khấu hao.

B. GNP theo giá thị trường trừ đi thuế gián thu.

C. NI cộng khấu hao.

D. Câu B và C đúng.

<u>Giải thích:</u>

GNP theo giá sản xuất:

$$GNP_{fc} = GNP_{mp} - T_i = NNP_{fc} + De = NI + De$$

<u>Câu 5:</u> GNP theo giá thị trường bằng:

A. GDP theo giá thị trường cộng thu nhập ròng từ nước ngoài.

B. GDP theo giá thị trường trừ thu nhập ròng từ nước ngoài.

C. Sản phẩm quốc dân ròng cộng khấu hao.

D. Câu A và C đúng.

<u>Giải thích:</u>

GNP theo giá thị trường:

$$GNP_{mp} = GDP_{mp} + NFFI = NNP + De$$

Câu 6: Để tính tốc độ tăng trưởng kinh tế giữa các thời kỳ người ta sử dụng:

A. Chỉ tiêu theo giá thị trường.

B. Chỉ tiêu thực.

C. Chỉ tiêu danh nghĩa.

D. Chỉ tiêu sản xuất.

Giải thích:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế giữa các thời kỳ:

$$\overline{G_{l-t}} = \left(\sqrt[l-t]{\frac{Y_t}{Y_l}} - 1\right).100\%$$

**Y_t, Y_l là sản lượng thực của các năm t và l.*

Dùng thông tin sau đây để trả lời các câu hỏi 7 đến câu 13

Trong năm 2011 có các chỉ tiêu thống kê theo lãnh thổ một nước như sau: tổng đầu tư: 300, đầu tư ròng: 100, tiền lương: 460, tiền thuê đất: 70, tiền trả lãi vay: 50, lợi nhuận: 120, thuế gián thu: 100, thu nhập ròng từ nước ngoài: 100, chỉ số giá năm 2011: 150, chỉ số giá năm 2010: 120 (đơn vị tính năm gốc: 100).

Tóm tắt:

$I = 300$, $I_N = 100$, $W = 460$, $R = 70$, $i = 50$, $\pi = 120$, $T_i = 100$, $NFFI = 100$, $I_d^{2011} = 150$, $I_d^{2010} = 120$

Câu 7: GDP danh nghĩa theo giá thị trường:

A. 1000 B. 1100 C. 1200 D. 900

Giải thích:

Tính GDP danh nghĩa theo giá thị trường bằng phương pháp dòng thu nhập:

$$GDP_{mp} = W + R + i + \pi + De + T_i$$

$$= 460 + 70 + 50 + 120 + 200 + 100 = 1000$$

với: $De = I - I_N = 300 - 100 = 200$

Câu 8: GNP danh nghĩa theo giá thị trường:

A. 900 B. 1000 ***C. 1100*** D. 1200

Giải thích:

GNP danh nghĩa theo giá thị trường:

$$GNP_{mp} = GDP_{mp} + NFFI = 1000 + 100 = 1100$$

Câu 9: GNP thực của năm 2011:

A. 600 B. 777 ***C. 733,33*** D. 916,66

Giải thích:

GNP thực của năm 2011:

$$GNP_R^{2011} = \frac{GNP_N^{2011}}{I_d^{2011}}.100 = \frac{1100}{150}.100 = 733,33$$

Câu 10: GNP danh nghĩa theo giá sản xuất:

A. 900 B. 1100 ***C. 1000*** D. 1200

Giải thích:

GNP danh nghĩa theo giá sản xuất:

$$GNP_{fc} = GNP_{mp} - T_i = 1100 - 100 = 1000$$

Câu 11: NNP

A. 800 B. 1000 ***C. 900*** D. 1100

Giải thích:

Sản phẩm quốc dân ròng:

$$NNP_{mp} = GNP_{mp} - De = 1100 - 200 = 900$$

Câu 12: NI

A. 700 ***B. 800*** C. 750 D. 900

Giải thích:

Thu nhập quốc dân:

$$NI = NNP_{mp} - T_i = 900 - 100 = 800$$

Câu 13: Tỷ lệ lạm phát của năm 2011:

A. 20% B. 30% ***C. 25%*** D. 50%

Giải thích:

Tỷ lệ lạm phát của năm 2011:

$$I_f^{2011} = \frac{I_d^{2011} - I_d^{2010}}{I_d^{2010}}.100 = \frac{150 - 120}{120}.100 = 25\%$$

Câu 14: Chỉ tiêu đo lường tốt nhất sự gia tăng trong của cải vật chất của một nền kinh tế:

A. Đầu tư ròng.

B. Tổng đầu tư.

C. Tổng đầu tư gồm cơ sở sản xuất và thiết bị.

D. Tái đầu tư.

Giải thích:

Đầu tư ròng: tiền dùng mua sắm các tư liệu lao động mới, tạo ra tài sản tư bản dưới dạng hiện vật như máy móc, thiết bị, nhà xưởng... đã trừ phần đầu tư nhằm mục đích thay thế các máy móc đã hư hỏng.

Tổng đầu tư: tiền dùng mua sắm các tư liệu lao động mới, tạo ra tài sản tư bản dưới dạng hiện vật như máy móc, thiết bị, nhà xưởng... Trong chỉ tiêu tổng đầu tư có cả phần khấu hao nên sẽ bị tính lặp lại với giá trị các máy móc cũ.

Tổng đầu tư gồm cơ sở sản xuất và thiết bị: tương tự câu B, vẫn chứa phần giá trị khấu hao trùng lặp với giá trị các máy móc cũ.

Tái sản xuất: phần khấu hao, không bao gồm phần giá trị của những tư liệu lao động, tài sản hiện vật mới.

Câu 15: Đồng nhất thức nào sau đây không thể hiện sự cân bằng:

A. Y = C + I + G B. C + I = C + S

B. S + T = I + G ***D. S = f(Y)***

Giải thích:

Y = C + I + G: mức hoạt động của nền kinh tế khi có 3 khu vực hộ gia đình, donha nghiệp và chính phủ trong dòng chu chuyển (nền kinh tế đóng).

C + I = C + S ↔ I = S: tổng các khoản rò rỉ phải bằng tổng các khoản bơm vào trong một nền kinh tế, tổng tiết kiệm bằng tổng đầu tư (nền kinh tế đơn giản).

S + T = I + G: tổng các khoản rò rỉ bằng tổng các khoản bơm vào (nền kinh tế đóng).

Câu 16: Chỉ tiêu đo lường giá trị bằng tiền của toàn bộ hàng hóa và dịch vụ cuối cùng do công dân một nước sản xuất ra trong một thời kỳ nhất định là:

A. Thu nhập quốc dân.

B. Tổng sản phẩm quốc dân.

C. Sản phẩm quốc dân ròng.

D. Thu nhập khả dụng.

Giải thích:

Thu nhập quốc dân: giá trị bằng tiền của phần thu nhập do công dân một nước tạo ra, tính trong khoảng thời gian nhất định.

Tổng sản phẩm quốc dân: giá trị bằng tiền của toàn bộ sản phẩm cuối cùng do công dân một nước sản xuất ra trong một khoảng thời gian nhất định.

Sản phẩm quốc dân ròng: giá trị bằng tiền của phần giá trị mới do công dân một nước tạo ra, tính trong khoảng thời gian nhất định.

Thu nhập khả dụng: giá trị bằng tiền của phần thu nhập cuối cùng mà dân chúng có thể sự dụng theo ý muốn cá nhân trong khoảng thời gian nhất đinh.

Câu 17: Yếu tố nào sau đây không phải là tính chất của GNP danh nghĩa:

A. Tính theo giá cố định.

B. Chỉ đo lường sản phẩm cuối cùng.

C. Tính cho một thời kỳ nhất định.

D. Không cho phép tính giá trị hàng hóa trung gian.

Giải thích:

GNP danh nghĩa cũng như các chỉ tiêu danh nghĩa khác được tính theo giá hiện hành.

Câu 18: Chỉ tiêu không đo lường giá trị hàng hóa và dịch vụ cuối cùng:

A. Tổng sản phẩm quốc dân.

B. Sản phẩm quốc dân ròng.

C. Thu nhập khả dụng.

D. Không có câu nào đúng.

Giải thích:

Tất cả các chỉ tiêu thuộc hệ thống tài khoản quốc gia (SNAs) đều được đo lường dựa trên giá trị hàng hóa và dịch vụ cuối cùng.

Câu 19: Yếu tố nào sau đây không phải là một yếu tố chi phí:

A. Thu nhập của chủ sở hữu doanh nghiệp.

B. Tiền lương của người lao động.

C. Trợ cấp trong kinh doanh.

D. Tiền thuế đất.

Giải thích:

Thu nhập của chủ sở hữu doanh nghiệp – lợi nhuận (π), tiền lương của người lao động (W), tiền thuế đất (R) đều là các yếu tố chi phí (yếu tố sản xuất). Còn trợ cấp trong

kinh doanh (T_r) thuộc khoản chi chuyển nhượng của chính phủ - những khoản chi không đòi hỏi phải đáp lại bằng việc cung cấp hàng hóa hay dịch vụ.

Câu 20: Khoản nào sau đây không phải là thuế gián thu trong kinh doanh:

A. Thuế giá trị gia tăng.

B. Thuế thừa kế tài sản.

C. Thuế thu nhập doanh nghiệp.

D. Câu B và C đúng.

Giải thích:

Thuế thừa kế tài sản và thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế trực thu.

Câu 21: ..... được tính bằng cách cộng toàn bộ các yếu tố chi phí trên lãnh thổ một quốc gia trong một thời kỳ nhất định:

A. Tổng sản phẩm quốc nội.

B. Tổng sản phẩm quốc dân.

C. Sản phẩm quốc dân ròng.

D. Thu nhập khả dụng.

Giải thích:

Tổng sản phẩm quốc nội: Theo phương pháp dòng thu nhập, tổng sản phẩm quốc nội được xác định bằng tổng thu nhập chi trả cho các yếu tố sản xuất phát sinh trên lãnh thổ nước đó.

Tổng sản phẩm quốc dân: Giá trị bằng tiền của toàn bộ sản phẩm cuối cùng do công dân một nước sản xuất ra trong một khoảng thời gian nhất định.

Sản phẩm quốc dân ròng: Giá trị bằng tiền của phần thu nhập do công dân một nước tạo ra trong khoảng thời gian nhất định.

Thu nhập khả dụng: Giá trị bằng tiền của phần thu nhập cuối cùng mà dân chúng có thể sử dụng theo ý muốn cá nhân trong khoảng thời gian nhất định.

Câu 22: ..... không nằm trong thu nhập cá nhân.

A. Lợi nhuận của chủ doanh nghiệp.

B. Thuế thu nhập doanh nghiệp.

C. Thuế giá trị gia tăng.

D. Câu B và C đúng.

Giải thích:

Thuế thu nhập doanh nghiệp thuộc phần lợi nhuận dùng để nộp thuế hoặc giữ lại không chia của doanh nghiệp ($\pi_{\text{nộp+không chia}}$) còn thuế giá trị gia tăng thuộc loại thuế gián thu (T_i).

Cách tính thu nhập cá nhân:

$$PI = NI - \pi_{\text{nộp+không chia}} + T_r = (NNP_{mp} - T_i) - \pi_{\text{nộp+không chia}} + T_r$$

$$= NNP_{mp} + T_r - (T_i + \pi_{\text{nộp+không chia}})$$

Câu 23: Chi chuyển nhượng là các khoản:

A. Chính phủ trợ cấp cho cựu chiến binh.

B. Trợ cấp thất nghiệp.

C. Trợ cấp hưu trí.

D. Tất cả các câu trên.

Giải thích:

Chi chuyển nhượng là các khoản chi không đòi hỏi phải đáp lại bằng việc cung cấp hàng hóa hay dịch vụ như chi trợ cấp thất nghiệp, chi học bổng cho sinh viên, chi trợ cấp hưu trí,...

Câu 24: Giới hạn của kế toán tổng thu nhập quốc dân là:

A. Không đo lường chi phí xã hội.

B. Không đo lường được các hoạt động kinh tế ngầm.

C. Không bao gồm giá trị của thời giờ nhàn rỗi.

D. Tất cả các câu trên.

Giải thích:

GDP không tính đến kinh tế chợ đen *(hoạt động kinh tế ngầm)*, kinh tế phi tiền tệ như kinh tế trao đổi, các công việc tình nguyện *(chi phí xã hội)*, chăm sóc trẻ em miễn phí do các ông bố, bà mẹ (không làm việc) đảm nhiệm hay sản xuất hàng hóa tại gia đình... *(giá trị của thời giờ nhàn rỗi).*

Câu 25: Tổng sản phẩm quốc dân danh nghĩa của quốc gia A năm 2005 là 360 tỷ USD, năm 2010 là 672 tỷ USD. Chỉ số giá năm 2005 là 90 và chỉ số giá cả năm 2010 là 120. Tổng sản phẩm quốc dân thực giữa năm 2005 và 2010 sẽ là:

A. Giữ nguyên không thay đổi.

B. Chênh lệch khoảng 40%.

C. Chênh lệch khoảng 70%.

D. Chênh lệch khoảng 86,6%.

Giải thích:

Tổng sản phẩm quốc dân thực của quốc gia A năm 2005:

$$\mathrm{GNP}_{\mathrm{R}}^{2005} = \frac{\mathrm{GNP}_{\mathrm{N}}^{2005}}{\mathrm{I}_{\mathrm{d}}^{2005}}.100 = \frac{360}{90}.100 = 400 \text{ tỷ USD}$$

Tổng sản phẩm quốc dân thực của quốc gia A năm 2010:

$$\mathrm{GNP}_{\mathrm{R}}^{2010} = \frac{\mathrm{GNP}_{\mathrm{N}}^{2010}}{\mathrm{I}_{\mathrm{d}}^{2010}}.100 = \frac{672}{120}.100 = 560 \text{ tỷ USD}$$

Mức chênh lệch tổng sản phẩm quốc dân thực giữa năm 2005 và 2020:

$$\%\Delta\mathrm{GNP} = \frac{\mathrm{GNP}_{\mathrm{R}}^{2010} - \mathrm{GNP}_{\mathrm{R}}^{2005}}{\mathrm{GNP}_{\mathrm{R}}^{2005}}.100\% = \frac{560 - 400}{400}.100\% = 40\%$$

Câu 26: Chỉ tiêu nào nhỏ nhất trong những chỉ tiêu đo lường sản phẩm quốc gia:

A. Tổng sản phẩm quốc dân.

B. Sản phẩm quốc dân ròng.

C. Thu nhập cá nhân.

D. Thu nhập khả dụng.

Giải thích:

Cách tính thu nhập khả dụng gián tiếp thông qua các chỉ tiêu khác:

$$DI = PI - T_{cá\ nhân}$$

$$= (NI - \pi_{nộp+không\ chia} + T_r) - T_{cá\ nhân} \qquad (T_r \text{ luôn âm})$$

$$= (NNP_{mp} - T_i) - (\pi_{nộp+không\ chia} + T_{cá\ nhân} - T_r)$$

$$= (GNP_{mp} - De) - (T_i + \pi_{nộp+không\ chia} + T_{cá\ nhân} - T_r)$$

$$= (GDP_{mp} - De) - (De + T_i + \pi_{nộp+không\ chia} + T_{cá\ nhân} - T_r)$$

$$= GDP_{mp} - (2De + T_i + \pi_{nộp+không\ chia} + T_{cá\ nhân} - T_r)$$

Câu 27: GDP danh nghĩa bao gồm:

A. Tiền mua bột mì của một lò bánh mì.

B. Tiền mua sợi của một nhà máy dệt vải.

C. Bột mì được mua bởi một bà nội trợ.

D. Không có câu nào đúng.

Giải thích:

Chỉ tiêu GDP cũng như các chỉ tiêu khác thuộc hệ thống tài khoản quốc gia (SNA_s) chỉ đo lường toàn bộ sản phẩm cuối cùng, không tính sản phẩm trung gian. Trong câu hỏi này, bột mì của lò bánh mì và sợi của nhà máy dệt chỉ là các sản phẩm trung gian, yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất; còn bột mì của bà nội trợ là sản phẩm cuối cùng, mua để tiêu dùng.

Câu 28: Theo hệ thống MPS, tổng sản lượng quốc gia chỉ tính:

A. Sản phẩm của những ngành sản xuất vật chất.

B. Sản phẩm của những ngành sản xuất vật chất và sản phẩm của những ngành dịch vụ phục vụ cho sản xuất và lưu thông hàng hóa.

C. Sản phẩm của những ngành sản xuất vật chất và sản phẩm của những ngành dịch vụ nói chung.

D. A, B, C đều đúng.

Giải thích:

Theo quan điểm của K.Marx, sản xuất là những ngành sản xuất ra sản phẩm và dịch vụ phục vụ cho các ngành sản xuất vật chất.Nó bao gồm toàn bộ sản phẩm hữu hình và bao gồm một bộ phận sản phẩm vô hình phục vụ cho quá trình sản xuất vật chất. Đây là cơ sở để hình thành cách tính sản lượng quốc gia theo hệ thống sản xuất vật chất MPS (Material Production System).

Câu 29: Sản phẩm trung gian và sản phẩm cuối cùng khác nhau ở:

A. Mục đích sử dụng.

B. Là nguyên liệu và không phải là nguyên liệu.

C. Thời gian tiêu thụ.

D. Các câu trên đều sai.

Giải thích:

Sản phẩm trung gian và sản phẩm cuối cùng khác nhau ở mục đích sử dụng:

- Sản phẩm trung gian: yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm cuối cùng.
- Sản phẩm cuối cùng: được mua để tiêu dùng.

Câu 30: GDP là chỉ tiêu sản lượng quốc gia được tính theo:

A. Quan điểm lãnh thổ.

B. Sản phẩm cuối cùng được tạo ra trong năm.

C. Giá trị gia tăng của tất cả các ngành sản xuất hàng hóa và dịch vụ trong và ngoài nước trong năm.

D. Câu A và B đúng.

Giải thích:

GDP là chỉ tiêu sản lượng quốc gia được tính theo quan điểm lãnh thổ và chỉ tính cho toàn bộ sản phẩm (hàng hóa và dịch vụ) cuối cùng được tạo ra trong khoảng thời gian nhất định, thường là một năm.

Câu 31: GNP là chỉ tiêu sản lượng quốc gia được tính theo:

A. Sản phẩm trung gian được tạo ra trong năm.

B. Quan điểm sở hữu.

C. Câu A và B đều đúng.

D. Câu A và B đều sai.

Giải thích:

GNP là chỉ tiêu sản lượng quốc gia được tính theo quan điểm sở hữu. Tất cả các chỉ tiêu thuộc hệ thống tài khoản quốc gia (SNAs) đều không tính sản phẩm trung gian.

Câu 32: Sản lượng tiềm năng là:

A. Mức sản lượng mà nền kinh tế có thể đạt được tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên.

B. Mức sản lượng tối đa mà nền kinh tế có thể đạt được tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp bằng không.

C. Mức sản lượng mà nền kinh tế có thể đạt được khu sử dụng 100% các nguồn lực.

D. Các câu trên đều sai.

Giải thích:

Sản lượng tiềm năng là mức sản lượng mà nền kinh tế có thể đạt được tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên.

Câu 33: Tổng sản phẩm quốc gia là chỉ tiêu:

A. Phản ánh giá trị của toàn bộ sản phẩm cuối cùng và dịch vụ được tạo ra trên lãnh thổ một nước.

B. Phản ánh giá trị của toàn bộ sản phẩm cuối cùng và dịch vụ do công dân một nước sản xuất ra trong một năm.

C. Phản ánh toàn bộ thu nhập được quyền sử dụng theo ý muốn của công chúng trong một năm.

D. Phản ánh toàn bộ thu nhập mà công dân trong nước kiếm được ở nước ngoài.

Giải thích:

Phản ánh giá trị của toàn bộ sản phẩm cuối cùng và dịch vụ được tạo ra trên lãnh thổ một nước: GDP.

Phản ánh giá trị của toàn bộ sản phẩm cuối cùng và dịch vụ do công dân một nước sản xuất ra trong một năm:GNP.

Phản ánh toàn bộ thu nhập được quyền sử dụng theo ý muốn của công chúng trong một năm: DI.

Phản ánh toàn bộ thu nhập mà công dân trong nước kiếm được ở nước ngoài: IFFI.

Câu 34: Thu nhập khả dụng là:

A. Thu nhập được quyền dùng tự do theo ý muốn dân chúng.

B. Thu nhập của công chúng bao gồm cả thuế thu nhập cá nhân.

C. Tiết kiệm còn lại sau khi đã tiêu dùng.

D. Thu nhập tài sản ròng từ nước ngoài.

Giải thích:

Thu nhập được quyền dùng tự do theo ý muốn dân chúng: DI.

Thu nhập của công chúng bao gồm cả thuế thu nhập cá nhân: PI.

Tiết kiệm còn lại sau khi đã tiêu dùng: S

Thu nhập tài sản ròng từ nước ngoài: NFFI.

Câu 35: Nếu một nhà nông sản xuất tất cả thực phẩm mà ông tiêu dùng, GNP sẽ được tính là không.

A. Đúng. ***B. Sai.***

Giải thích:

GNP là chỉ tiêu tổng sản lượng quốc gia được tính bằng công thức:

$$GNP = GDP + NFFI$$

Trong đó GDP thường được tính bằng phương pháp dòng thu nhập hoặc dòng chi tiêu:

Phương pháp dòng thu nhập: $GDP = W + R + i + \pi + T_i + De$

Phương pháp dòng chi tiêu: $GDP = C + I + G + M - X$

Nếu tính theo phương pháp dòng thu nhập, do nhà nông tự sản xuất thực phẩm mà ông tiêu dùng, nên ông không phải trả lương (W), trả tiền thuê đất (R), cũng chẳng thu được lợi tức (i) hay lợi nhuận (π). Nên giá trị của phần lương thực không được tính vào GDP.

Nếu tính theo phương pháp dòng chi tiêu, do nhà nông tự sản xuất thực phẩm mà ông tiêu dùng, tức là sản phẩm đó không được mang ra trao đổi, do đó không thuộc hàng hóa và dịch vụ cuối cùng nên cũng không được tính vào GDP.

Tuy nhiên, số thực phẩm mà nhà nông tạo ra được chính nhà nông tiêu thụ nên là sản phẩm cuối cùng. Do đó giá trị của nó phải được tính vào GDP. Nhưng nếu tính theo 2 cách trên thì phần giá trị này sẽ bị khuyết.

Câu 36: Nếu một công nhân hãng kem PS nhận một phần tiền lương là bữa ăn trưa hàng ngày, trị giá bữa ăn này không được tính vào GNP.

A. Đúng. ***B. Sai.***

Giải thích:

Tương tự như câu 35. Giá trị của bữa ăn trưa vẫn được tính vào GNP, bởi nó là sản phẩm cuối cùng, được người công nhân này tiêu thụ.

Câu 37: Tổng cộng C, I, G và (X – M) bằng tổng chi phí các yếu tố cộng khấu hao.

A. Đúng. ***B. Sai.***

Giải thích:

Ta có:

$$C + I + G + (X - M) = GDP = W + R + \pi + i + De + T_i$$

(thiếu yếu tố thuế gián thu T_i)

Câu 38: Chi phí yếu tố không bao gồm cả tiền lãi từ nợ công và tiền lãi của người tiêu dùng.

A. Đúng. B. Sai.

Giải thích:

Chi phí yếu tố là giá cả sản xuất (P_{fc}), tổng của chi phí sản xuất (z) và lợi nhuận (π), không bao gồm tiền lãi từ nợ công (T) và tiền lãi của người tiêu dùng (i).

Câu 39: Thu nhập cá nhân không bao gồm tiền lãi từ nợ công.

A. Đúng. ***B. Sai.***

Giải thích:

Thu nhập cá nhân bao gồm tiền lãi từ nợ công (T) vì thuế thuế thu nhập cá nhân ($T_{cánhân}$) thuộc thuế của chính phủ:

$$NI = DI + T_{\text{cá nhân}}$$

Câu 40: Hạn chế của cách tính thu nhập quốc gia theo SNA là nó không luôn luôn phản ánh giá trị xã hội.

A. Đúng. B. Sai.

Giải thích:

Mặc dù được sử dụng rộng rãi để đo lường thành tựu kinh tế của các quốc gia, nhưng cách tính thu nhập quốc gia theo SNA chỉ tính được một số lĩnh vực hoạt động chính thức. Các hoạt động không chính thức và trái phát luật không được tính theo SNA. Do đó, cách tính thu nhập quốc gia theo SNA đôi lúc không phản ánh chính xác giá trị xã hội.

Câu 41: Sản lượng quốc gia tăng không có nghĩa là mức sống của cá nhân tăng.

A. Đúng. B. Sai.

Giải thích:

Có thể có những nhóm người không thu được lợi ích gì từ lợi ích kinh tế chung. Sản lượng quốc gia tăng cao có thể là kết quả của một số người giàu có đem lại cho nền kinh tế, trong khi phần lớn dân chúng sống dưới mức nghèo khổ.

Câu 42: Tăng trưởng kinh tế xảy ra khi:

A. Giá trị sản lượng hàng hóa tăng.

B. Thu nhập trong dân cư tăng lên.

C. Đường giới hạn khả năng sản xuất dịch chuyển sang phải.

D. Các câu trên đều đúng.

Giải thích:

Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng của tổng sản phẩm quốc nội hoặc tổng sản lượng quốc gia *(giá trị sản lượng hàng hóa tăng)* hoặc quy mô sản lượng quốc gia tính bình quân trên đầu người *(thu nhập trong dân cư tăng)* trong một thời gian nhất định. Sản lượng hàng hóa tăng thể hiện khả năng sử dụng các nguồn lực khan hiếm *(đường giới hạn khả năng sản xuất dịch chuyển sang phải).*

Sử dụng những số liệu sau cho các câu 43, 44

GDP danh nghĩa (tỷ USD)	*Hệ số giảm phát*
Năm 2010: 20	100
Năm 2011: 25,3	115

Câu 43: GDP thực năm 2011 là:

A. 25,3 tỷ USD B. 29,09 tỷ USD

C. 22 tỷ USD D. 23,7 tỷ USD

Giải thích:

GDP thực của năm 2011:

$$GDP_R^{2011} = \frac{GDP_N^{2011}}{I_d^{2011}}.100 = \frac{25,3}{115}.100 = 22 \text{ tỷ USD}$$

Câu 44: Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2011:

A. 26,5% B. 15% C. 20,9% ***D. 10%***

Giải thích:

GDP thực năm 2010:

$$GDP_R^{2010} = \frac{GDP_N^{2010}}{I_d^{2010}}.100 = \frac{20}{100}.100 = 20 \text{ tỷ USD}$$

Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2011:

$$g = \frac{GDP_R^{2011}}{GDP_R^{2010}} - 1 = \frac{22}{20} - 1 = 0,1 = 10\%$$

Câu 45: GDP thực và GDP danh nghĩa của một năm bằng nhau nếu:

A. Tỷ lệ làm phát của năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát của năm trước.

B. Chỉ số giá năm hiện hành bằng chỉ số giá năm trước.

C. Tỷ lệ lạm phát của năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát của năm gốc.

D. Chỉ số giá của năm đó bằng chỉ số giá của năm gốc.

Giải thích:

Ta có:

$$GDP_R = GDP_N$$

$$\rightarrow \quad CPI_t = 1 = CPI_o$$

Câu 46: Giá trị gia tăng của một doanh nghiệp là:

A. Phần còn lại của giá trị sản phẩm sau khi trừ đi những chi phí nguyên liệu để sản xuất sản phẩm.

B. Phần còn lại của giá trị sản phẩm sau khi trừ đi những chi phí vật chất mua ngoài để sản xuất sản phẩm.

C. Phần còn lại của giá trị sản phẩm sau khi trừ đi toàn bộ chi phí vật chất để sản xuất sản phẩm.

D. Phần còn lại của giá trị sản phẩm sau khi trừ đi chi phí tiền lương để sản xuất sản phẩm.

Giải thích:

Trong phần chi phí vật chất để sản xuất sản phẩm có 2 loại chi phí vật chất:

- Chi phí vật chất mua ngoài: đây là chi phí của các giao dịch hàng hóa hiện hữu, không được tính vào giá trị gia tăng.
- Chi phí vật chất doanh nghiệp tự sản xuất: sản phẩm mới sản xuất, được tính vào giá trị gia tăng.